

BÁO CÁO

Tổng kết năm học 2017-2018 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2018-2019 đối với Giáo dục thường xuyên

Thực hiện Chỉ thị số 2699/CT-BGDĐT ngày 08/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về nhiệm vụ chủ yếu năm học 2017-2018 của ngành giáo dục; Công văn số 3764/BGDĐT-GDTEX ngày 17/8/2017 của Bộ GDĐT hướng dẫn nhiệm vụ năm học 2017-2018 đối với Giáo dục thường xuyên; Công văn số 2006/BGDĐT-GDTEX ngày 21/5/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổng kết năm học 2017-2018 đối với Giáo dục thường xuyên (GDTEX); Sở GDĐT báo cáo tổng kết năm học 2017-2018 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2018 – 2019 đối với GDTEX như sau:

A. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ năm học 2017-2018

I. Đặc điểm tình hình

1. Thuận lợi

Được sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, sự phối hợp giữa ngành giáo dục với các Sở, ban, ngành, đoàn thể và UBND các huyện, thị xã trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học 2017-2018 đối với GDTEX. Tiếp tục triển khai kế hoạch thực hiện Nghị quyết về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, tiếp tục thực hiện Nghị quyết phát triển nguồn nhân lực của tỉnh và các địa phương đã tạo cơ hội để GDTEX từng bước đổi mới, phát triển theo xu hướng xây dựng xã hội học tập.

2. Khó khăn.

Cơ sở vật chất một số cơ sở GDTEX còn thiếu, chưa đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ. Tuyển sinh các lớp GDTEX cấp THPT ở các Trung tâm GDTEX chất lượng thấp, số lượng ít. Hiệu quả hoạt động các trung tâm học tập cộng đồng (TTHTCĐ) chưa cao.

II. Tình hình thực hiện nhiệm vụ năm học 2017-2018

1. Việc triển khai nhiệm vụ GDTEX

Từ tình hình thực tiễn của địa phương, thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển GDTEX, triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm học của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Sở Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo bằng các văn bản cụ thể sau:

- Kế hoạch số 1215/KH-SGDĐT, ngày 12/7/2017 về bồi dưỡng chính trị và chuyên môn hè năm 2017;

- Kế hoạch số 1216/KH-SGDĐT-GDTXCN ngày 12/7/2017 về bồi dưỡng thường xuyên cán bộ quản lý bậc mầm non và giáo viên các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên năm học 2017-2018;
- Quyết định số 1069/QĐ-SGDĐT, ngày 24/7/2017 về việc công nhận kết quả và cấp giấy chứng nhận hoàn thành Kế hoạch Bồi dưỡng thường xuyên năm học 2016-2017 cho giáo viên các đơn vị trực thuộc và trung tâm GDNN-GDTX;
- Công văn số 1195/SGDĐT-GDTXCN, ngày 10/7/2017 về báo cáo công tác bồi dưỡng thường xuyên năm học 2016-2017;
- Công văn số 1262/SGDĐT-GDTXCN, ngày 18/7/2017 về việc tuyển sinh và tổ chức lớp học năm học 2017-2018 đối với GDTX;
- Công văn số 1305/SGDĐT-GDTXCN, ngày 26/7/2017 về việc điều tra, cập nhật số liệu PCGD-XMC và mở lớp xóa mù chữ năm 2017;
- Công văn số 1545/SGDĐT-GDTXCN, ngày 29/8/2017 về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2017-2018 đối với GDTX;
- Công văn số 1634/SGDĐT-GDTXCN, ngày 13/9/2017 về việc tổ chức Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời năm 2017;
- Công văn số 1748/SGDĐT-GDTXCN, ngày 25/9/2017 về việc báo cáo triển khai thực hiện Công văn số 162/BGDĐT-GDTX và Thông tư Liên tịch số 39/TTLT/BLĐTBXH-BGDĐT-BNV;
- Công văn số 1881/SGDĐT-GDTXCN, ngày 13/10/2017 về việc báo cáo kết quả tổ chức Tuần lễ hưởng ứng Học tập suốt đời năm 2017;
- Công văn số 1925/SGDĐT-GDTXCN, ngày 23/10/2017 về việc hoàn thiện hồ sơ PCGD-XMC năm 2017;
- Kế hoạch số 1933/KH-SGDĐT, ngày 24/10/2017 về kiểm tra công nhận kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2017;
- Công văn số 1981/SGDĐT-GDTXCN, ngày 31/10/2017 về việc tiếp tục thực hiện công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập;
- Công văn số 1988/SGDĐT-GDTXCN, ngày 31/10/2017 về việc nâng cao chất lượng các lớp Giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông;
- Quyết định số 1504/QĐ-SGDĐT, ngày 01/12/2017 về việc thành lập Đoàn kiểm tra công nhận, thị xã đạt chuẩn về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2017;
- Công văn số 2333/SGDĐT-GDTXCN, ngày 20/12/2017 về việc hướng dẫn báo cáo sơ kết học kì I năm học 2017-2018 đối với GDTX;
- Kế hoạch số 321/SGĐT-GDTXCN, ngày 01/3/2018 về kiểm tra, đánh giá và xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã năm 2017;

- Tờ trình số 319/TTr-SGDĐT, ngày 01/3/2018 về việc đề nghị ban hành văn bản triển khai, thực hiện Thông tư số 35/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017;

- Kế hoạch số 569/KH-SGDĐT, ngày 13/3/2018 về việc tổ chức tập huấn nghiệp vụ công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và Thông tư 35/2017/TT-BGDĐT;

- Công văn số 573/SGDĐT-GDTCN, ngày 10/4/2018 về việc kết thúc năm học và chuẩn bị kỳ thi THPT quốc gia năm 2018;

- Chương trình số 659/CTr-SGDĐT-HKH, ngày 23/4/2018 về Chương trình phối hợp hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập giữa Sở Giáo dục và Đào tạo và Hội Khuyến học tỉnh giai đoạn 2017-2020;

- Công văn số 660/SGDĐT-GDTCN, ngày 23/4/2018 về việc báo cáo kết quả bồi dưỡng thường xuyên đối với cán bộ quản lý bậc mầm non và giáo viên các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên năm học 2017-2018;

- Công văn số 658/SGDĐT-GDTCN, ngày 23/4/2018 về việc xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên cán bộ quản lý bậc mầm non và giáo viên mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên năm học 2018-2019;

- Báo cáo số 885/BC-SGDĐT, ngày 18/5/2018 về sơ kết 03 năm triển khai thực hiện Thông tư liên tịch số 39;

- Tờ trình số 1031/TTr-SGDĐT, ngày 06/6/2018 về việc đề nghị UBND tỉnh ban hành báo cáo Bộ GDĐT 05 năm triển khai thực hiện Quyết định số 89/QĐ-TTg, ngày 09/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ;

- Công văn số 750/SGDĐT-GDTCN, ngày 03/5/2018 hướng dẫn các Phòng GDĐT triển khai thực hiện Thông tư số 35/2017/TT-BGDĐT và điều tra, cập nhật số liệu PCGD-XMC;

- Báo cáo số 962/SGDĐT-GDTCN, ngày 28/5/2018 về việc báo cáo, rà soát đánh giá chương trình xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ;

- Kế hoạch phối hợp số 867/KH-BĐBP-SGDĐT ngày 31/5/2018 giữa Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và Sở Giáo dục và Đào tạo về “Đẩy mạnh công tác xây dựng xã hội học tập” ở địa bàn biên giới, giai đoạn 2018-2025.

2. Tình hình triển khai các cuộc vận động và phong trào thi đua

Ngành giáo dục tiếp tục chỉ đạo các đơn vị tổ chức cho toàn thể cán bộ giáo viên, giáo viên, nhân viên các cơ sở GDTCN thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, gắn kết với các cuộc vận động và các phong trào thi đua của ngành; tập trung rèn luyện đạo đức lối sống, nâng cao trách nhiệm cá nhân. Đội ngũ cán bộ, giáo viên trong ngành đã hưởng ứng tốt các phong trào; đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới sinh hoạt tổ chuyên môn, tổ chức các

hoạt động làm đồ dùng dạy học, viết sáng kiến kinh nghiệm, tham gia thi giáo viên dạy giỏi cấp trường và cấp tỉnh.

3. Tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyên môn

- Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức của cán bộ và nhân dân ở địa phương về nội dung, mục đích và ý nghĩa của học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập; huy động toàn dân tham gia phong trào xây dựng xã hội học tập.

- Tiếp tục Thực hiện Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (PCGD-XMC); Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục quy định về điều kiện đảm bảo và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn PCGD-XMC; Thông tư số 35/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống thông tin quản lý PCGD-XMC.

- Triển khai Kế hoạch hành động của ngành giáo dục về thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục đào tạo.

- Chỉ đạo một số trung tâm NN-TH tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản theo Thông tư Liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin-Truyền thông; kết quả các đơn vị tổ chức cho trên 800 học viên dự thi.

- Chỉ đạo các Trung tâm GDNN-GDTX thực hiện nghiêm túc phân phối chương trình GDTX đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Củng cố, phát triển TTHTCĐ; tăng cường về cơ sở vật chất, tài chính, nhân lực để các trung tâm hoạt động, phát huy hiệu quả.

- Triển khai thực hiện công tác bồi dưỡng thường xuyên cho cán bộ quản lý giáo viên mầm non, giáo viên mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên.

- Triển khai thực hiện Quyết định số 2011/QĐ-UBND ngày 28/11/2013 của UBND tỉnh Đắk Nông về Kế hoạch thực hiện Đề án xóa mù chữ và Đề án xây dựng xã hội học tập ở tỉnh Đắk Nông đến năm 2020; Quyết định số 1397/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của UBND tỉnh Đắk Nông về Kế hoạch Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016-2021.

- Hướng dẫn các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và GDTX triển khai thực hiện giáo dục kỹ năng sống.

- Tham mưu UBND tỉnh và chỉ đạo các Phòng GDĐT, các đơn vị trực thuộc, các cơ sở GDTX tổ chức Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời năm 2017.

4. Kết quả đạt được trong năm học 2017-2018

4.1. Quy mô phát triển GDTX

4.1.1. Hệ thống cơ sở GDTX:

- Trung tâm GDTX cấp tỉnh: 01, trung tâm GDNN-GDTX cấp huyện 07;

- TTHTCĐ: 71 trung tâm

- Các cơ sở GDTX khác: 01 trung tâm Ngoại ngữ-Tin học công lập, 21 trung tâm tin học, ngoại ngữ ngoài công lập.

4.1.2. Quy mô học viên (hv):

a. GDTX cấp THPT:

- Tổng số: 591 hv, ; trong đó: Lớp 10: có 177 hv, Lớp 11: có 218 hv, Lớp 12: có 196 hv.

b. GDTX cấp THCS: 04 học viên

c. Xóa mù chữ:

Trong năm học 2017-2018 các địa phương đã phối hợp với các tổ chức đoàn thể ở địa phương triển khai thực hiện tốt công tác xóa mù chữ, tổ chức được 06 lớp với 216 học viên, cụ thể là: huyện Tuy Đức: 01 lớp với 26 học viên, huyện Đắk Mil: 06 lớp với 190 học viên; trong đó 04 lớp xóa mù chữ, 02 lớp giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ.

d. Ngoại ngữ, Tin học và Tiếng M'ông: 2.957 hv.-

4.1.3: Chất lượng các lớp GDTX cấp THPT:

+ Kết quả xếp loại Học lực:

Loại Giỏi: 04 học viên; đạt 0,67%

Loại Khá: 119 học viên; đạt 20,13%

Loại Trung bình: 436 học viên; đạt 73,77%

Loại Yếu: 32 học viên; chiếm 5,43%

+ Kết quả xếp loại Hạnh kiểm: Số học viên thuộc diện được xếp loại: 472

Loại Tốt: 357 học viên; đạt 75,64%

Loại Khá: 110 học viên; đạt 23,30%

Loại Trung bình: 05 học viên; đạt 1,06%

5. Cơ sở vật chất

- Số phòng học, phòng bộ môn GDTX cấp THPT: 75 phòng; trong đó phòng học 68 phòng; chiếm 90,66%; phòng kiên cố 58 phòng; chiếm 77,33%, phòng bán kiên cố 02 phòng; chiếm 2,66%, phòng học mượn 08 phòng; chiếm 10,66%

+ Số phòng thư viện: 03 phòng

+ Số phòng thí nghiệm: 01 phòng

+ Số phòng Giáo dục thể chất: 03 phòng

- Số TTHTCĐ có trụ sở làm việc riêng: 11/71 trung tâm; đạt 15,5%, số TTHTCĐ mượn phòng làm việc: 60 trung tâm; chiếm 84,5%

6. Kết quả thực hiện Quyết định số 2011/QĐ-UBND ngày 28/11/2013 về thực hiện “Đề án xóa mù chữ và Đề án xây dựng xã hội học tập ở tỉnh Đắk Nông đến năm 2020”; Quyết định số 1397/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về ban hành Kế hoạch Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016-2021.

a. Bộ máy hoạt động

Ngay sau khi ban hành các văn bản triển khai thực hiện Đề án, UBND tỉnh đã tổ chức Hội nghị triển khai thực hiện Kế hoạch xây dựng xã hội học tập và phổ cập giáo dục, xóa mù chữ của tỉnh đến thành viên Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, phân công và giao nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên của Ban Chỉ đạo, thảo luận về các giải pháp thực hiện các nhiệm vụ để đạt được mục tiêu của Kế hoạch đề ra.

Đến nay, đã kiện toàn Ban Chỉ đạo các cấp “Xây dựng xã hội học tập và phổ cập giáo dục, xóa mù chữ giai đoạn 2012-2020”; cấp tỉnh có 01, cấp huyện có 08 và cấp xã có 71, đạt 100%. Ban Chỉ đạo các cấp đã chỉ đạo các đơn vị xây dựng kế hoạch thực hiện, thực hiện kế hoạch có hiệu quả. Tất cả 8/8 huyện, thị xã và 71/71 xã, phường, thị trấn đã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 2011 và Quyết định số 1397 của UBND tỉnh.

b. Thực hiện chương trình

- Các chương trình cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyên đề theo nhu cầu người học: Phòng GDĐT các huyện, thị xã hướng dẫn các TTHTCĐ triển khai thực hiện chương trình và tài liệu GDTX đáp ứng yêu cầu của người học, cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyên giao công nghệ, bao gồm 5 chương trình: Chương trình giáo dục pháp luật, chương trình giáo dục văn hóa – xã hội, chương trình giáo dục bảo vệ môi trường, chương trình bảo vệ sức khỏe và chương trình phát triển kinh tế.

- Các TTHTCĐ đã thực hiện điều tra nhu cầu học tập của nhân dân và cung cấp được thông tin, địa điểm, thời gian học tập. Các Sở, ban, ngành, các tổ chức đoàn thể tham gia nhiệt tình vào các hoạt động của trung tâm; hỗ trợ các trung tâm về chuyên môn, nghiệp vụ trong từng lĩnh vực liên quan, các TTHTCĐ đã tổ chức được nhiều lớp học với phương châm “cần gì học nấy, học cái đang cần, học để làm ngay”, như: các lớp học về Nghị quyết của Đảng, các lớp về kỹ thuật trồng và chăm sóc cây cà phê, cây tiêu, kỹ thuật chăn nuôi, chăm sóc heo, gà, bò, giáo dục sức khỏe, vệ sinh môi trường, các lớp tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật,... Thông qua các lớp học này đã duy trì và tăng thêm khả năng biết chữ của người dân, số hộ nghèo ở địa phương giảm, thu nhập của người dân được tăng lên, ý thức bảo vệ môi trường được cải thiện, người dân chủ động trong việc phòng bệnh cho người, vật nuôi và cây trồng, an ninh chính trị ổn định, tệ nạn xã hội giảm, sinh hoạt văn hóa, thể thao, nếp sống văn minh của người dân được cải thiện.

- Các chương trình đào tạo, bồi dưỡng: Trên cơ sở điều tra nhu cầu học tập nâng cao trình độ của cán bộ, công chức, viên chức, các trung tâm GDNN-GDTX

các huyện, trung tâm GDTX tỉnh, trung tâm ngoại ngữ, tin học đã tổ chức tuyển sinh, tổ chức các lớp học linh hoạt, đào tạo, bồi dưỡng các chương trình ngoại ngữ, ứng dụng CNTT và tiếng dân tộc thiểu số, tổ chức được nhiều lớp lái xe mô tô hạng A1, lớp nghề ngắn hạn, nghề phổ thông, các lớp liên kết đào tạo trình độ đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp đáp ứng nhu cầu học tập nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh.

c. Kết quả thực hiện

- Sở GDĐT đã phối hợp với Hội Khuyến học tỉnh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh và Đài Phát thanh truyền hình tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông kiểm tra tình hình triển khai thực hiện Quyết định số 2011, Quyết định số 1397, kiểm tra tình hình xây dựng xã hội học tập và hoạt động của TTHTCĐ; kiểm tra việc đánh giá, xếp loại cộng đồng học tập.

- Sở GDĐT phối hợp với Hội Khuyến học tỉnh chỉ đạo các đơn vị tổ chức Tuần lễ Hưởng ứng học tập suốt đời ở các địa phương; Phòng GDĐT, các đơn vị trực thuộc, các trung tâm GDNN-GDTX các huyện, các TTHTCĐ tổ chức Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời với sự tham gia của các cơ quan, đơn vị, các tổ chức đoàn thể, học sinh và nhân dân ở địa phương; tuyên truyền về Tuần lễ bằng các hình thức như treo băng rôn, khẩu hiệu trước cổng cơ quan, đơn vị. Với chủ đề “Học tập để hoàn thiện nhân cách, phát triển bản thân” được tổ chức ở các cấp từ ngày 02/10/2017 đến hết ngày 08/10/2017.

- Trung tâm học tập cộng đồng: có 71/71 đơn vị cấp xã thành lập TTHTCĐ, đạt chỉ tiêu 100% . Có 62/71 TTHTCĐ được cấp kinh phí hoạt động theo Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 29/6/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông về việc quy định mức hỗ trợ kinh phí đối với TTHTCĐ và mức phụ cấp kiêm nhiệm cho cán bộ tham gia vào công tác quản lý TTHTCĐ xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Có 6/71 TTHTCĐ được bố trí giáo viên phổ thông làm việc tại trung tâm theo Thông tư số 40/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 về sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của TTHTCĐ xã, phường, thị trấn của Bộ GDĐT, đạt 8,5%. Một số TTHTCĐ đã đặt Báo Giáo dục thời đại và nhiều đầu sách về Khoa học - Kỹ thuật phục vụ cho sản xuất, Pháp luật, Y tế...và có trên 8673 lượt người tham gia học tập tại TTHTCĐ.

- Kết quả công tác phổ cập giáo dục – xóa mù chữ:

+ Đối với phổ cập Giáo dục Mầm non trẻ 5 tuổi: 8/8 huyện, thị xã đạt chuẩn;

+ Đối với phổ cập Giáo dục Tiểu học: Có 8/8 huyện, thị xã đạt chuẩn mức mức độ 2;

+ Đối với Phổ cập Giáo dục Trung học cơ sở: Có 8/8 huyện, thị xã đạt chuẩn mức độ 1;

+ Đối với Xóa mù chữ: Có 05 huyện đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2, 03 huyện đạt chuẩn mức độ 1.

7. Đổi mới quản lý giáo dục:

Tiếp tục đổi mới công tác quản lý và nâng cao chất lượng giáo dục. Đổi mới công tác quản lý; tăng cường nền nếp, kỷ cương, đẩy mạnh các hoạt động chuyên môn; thực hiện có hiệu quả việc dạy học, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo chuẩn kiến thức, kỹ năng, nhằm nâng cao chất lượng dạy học, chú trọng ứng dụng CNTT trong quản lý, dạy học. Chỉ đạo các đơn vị tăng cường các biện pháp huy động học viên theo học các lớp GDTX, nâng cao chất lượng dạy và học các lớp chương trình GDTX.

B. Phương hướng nhiệm vụ năm học 2018-2019

I. Phương hướng chung

Phát huy những kết quả đạt được, khắc phục những hạn chế, yếu kém trong năm học 2017-2018, ngành học GDTX tiếp tục chỉ đạo các đơn vị bám sát Chỉ thị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về nhiệm vụ trọng tâm năm học 2018-2019 và Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2018-2019 đối với GDTX của Bộ Giáo dục và Đào tạo để thực hiện tốt nhất các nhiệm vụ và mục tiêu của ngành đã đề ra.

II. Các nhiệm vụ trọng tâm

1. Tiếp tục thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và các cuộc vận động, các phong trào thi đua của ngành.

2. Đẩy mạnh các hoạt động xây dựng xã hội học tập và phổ cập giáo dục, xóa mù chữ

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị 11-CT/TW ngày 30/4/2007 của Bộ Chính trị và Chỉ thị 02/2008/CT-TTg ngày 08/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ về công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của mọi tầng lớp nhân dân về mục đích, ý nghĩa của học tập suốt đời, xây dựng XHHT.

Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch “Xây dựng xã hội học tập và xóa mù chữ tỉnh Đắk Nông đến năm 2020”, Quyết định số 1397/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về ban hành Kế hoạch Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016-2021.

Phối hợp chặt chẽ với Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh thực hiện Kế hoạch phối hợp số 867/KH-BĐBP-SGDĐT ngày 31/5/2018 về “Đẩy mạnh công tác xây dựng xã hội học tập” ở địa bàn biên giới, giai đoạn 2018-2025

3. Tiếp tục củng cố tổ chức bộ máy, cấp nguồn kinh phí đủ cho các TTHTCĐ hoạt động; tạo điều kiện để các TTHTCĐ hoạt động có hiệu quả và thiết thực nhu cầu của người dân.

4. Tăng cường các hoạt động giáo dục ngoại khóa: giáo dục pháp luật, giáo dục bảo vệ môi trường, giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu, giáo dục sử dụng

năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, giáo dục bảo vệ vùng biên giới, giáo dục phòng chống ma túy, HIV/AIDS, giáo dục an toàn giao thông, giáo dục kỹ năng sống.

Trên đây là báo cáo tổng kết năm học 2017-2018 và phương hướng nhiệm vụ học năm học 2018-2019 đối với GDTX tỉnh Đắk Nông.

Nơi nhận: lưu

- Vụ GDTX – Bộ GDĐT (để b/c);
- Giám đốc (để b/c);
- Website Sở;
- Lưu: VT, GDTX-CN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đỗ Thị Việt Hà

PHỤ LỤC 2

NỘI DUNG BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ TTHTCĐ

(Kèm theo Báo cáo số 1672/BC-SGDĐT ngày 12/6/2018 của Sở GDĐT)

1. Tổng số xã, phường, thị trấn:
 - Tổng số TTHTCĐ: 71 Tỷ lệ TTHTCĐ/xã(phường): 100%
 - Số TTHTCĐ đã tổ chức tự đánh giá: 71
 - Số TTHTCĐ được Phòng GDĐT đánh giá: 71
 - Kết quả đánh giá: Tốt 15, Khá: 24, Trung bình 32
 2. Công tác tập huấn cho cán bộ TTHTCĐ: Thường xuyên
 3. Tổng số người tham gia học tập: 8.426
 - Số người học Chương trình XMC và GDTTSKBC: 216
 - Số người học nghề ngắn hạn : 1.964
 - Số lượt người tham gia học các chuyên đề: 8.761
 - Số lượt người học GD kỹ năng sống: 5.520
 - Số người/lượt người học các chương trình khác: 269
 4. Các hình thức tổ chức lớp học: học tập trung, không tập trung
 5. Kinh phí hoạt động:
 - Tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước(theo TT 96/2008/TT-BTC): 1.220.000.000đ
 - Kinh phí do xã hội hóa: 31.900.000đ
 - Kinh phí do học viên tự nguyện đóng góp: Không
 6. Nhận xét chung về kết quả hoạt động của TTHTCĐ: Trung bình khá
 7. Đề xuất kiến nghị: Tiếp tục tổ chức tập huấn và tham quan mô hình hoạt động TTHTCĐ hiệu quả.
-



Biểu số 1 - GDTXBan hành theo Thông tư
số 39/2011/TT-BGDĐT

ngày 15/9/2011 và TT 41/TT

ngày 22/9/2011

BÁO CÁO THỐNG KÊ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

Năm học: 2017-2018

(Có đến 30 tháng 05 năm 2018)

Đơn vị báo cáo: Sở Giáo dục và Đào tạo

Đơn vị nhận báo cáo: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Nội dung	Tổng số	Trong tổng số		
		Nữ	Dân tộc	
			Tổng số dân tộc	Trong đó Nữ
1. Tổng số trung tâm				
1.1 Trung tâm GDTX tỉnh	1			
1.2 Trung tâm GDTX quận, huyện (TT GDTX - HN - DN)				
Chia ra: - TT GDTX				
- TT GDTX - hướng nghiệp				
- TT GDTX - hướng nghiệp - dạy nghề hoặc TTGDTX - dạy nghề	7			
* Số TTGDTX được giao nhiệm vụ dạy nghề cho LĐ nông thôn theo QĐ 1956				
1.3 Trung tâm học tập cộng đồng	71			
Trong đó: - Số TTHTCĐ kết hợp với nhà văn hóa xã, bưu điện xã và thư viện				
1.4 Trung tâm ngoại ngữ - tin học				
Trong đó: - Trung tâm NN - TH (công lập)	1			
- Trung tâm NN - TH (ngoài công lập)				
1.5 Trường Bổ túc văn hóa				
2. Lớp học văn hóa	37	0	0	0
- Bổ túc THCS	1	0	0	0
- Bổ túc THPT	36	0	0	0
Chia ra: - Lớp 10	12	0	0	0
- Lớp 11	12	0	0	0
- Lớp 12	12	0	0	0
3. Học viên	595	206	342	129
3.1 Học viên học văn hóa (tổng số)	595	206	342	129
a. Bổ túc THCS	4	2	0	0
Chia ra: - Lớp 6	4	2	0	0
Trong đó: + Học viên trong độ tuổi phổ cập THCS	4	2	0	0
+ Học viên từ 18 tuổi trở lên	0	0	0	0
- Lớp 7	0	0	0	0
Trong đó: + Học viên trong độ tuổi phổ cập THCS	0	0	0	0
+ Học viên từ 18 tuổi trở lên	0	0	0	0
- Lớp 8	0	0	0	0
Trong đó: + Học viên trong độ tuổi phổ cập THCS	0	0	0	0
+ Học viên từ 18 tuổi trở lên	0	0	0	0
- Lớp 9	0	0	0	0
Trong đó: + Học viên trong độ tuổi phổ cập THCS	0	0	0	0
+ Học viên từ 18 tuổi trở lên	0	0	0	0
b. Bổ túc THPT	591	204	342	129
Chia ra: - Lớp 10	177	61	103	45
+ Học viên trong độ tuổi phổ thông	137	46	82	35

Trong đó: HV học VH kết hợp với học nghề, TCCN	63	18	39	14
+ Người lao động	39	15	21	8
Trong đó: Công nhân	0	0	0	0
LĐ nông thôn	5	0	1	0
+ Cán bộ công chức cấp xã	0	0	0	0
- Lớp 11	218	80	133	45
+ Học viên trong độ tuổi phổ thông	182	66	115	39
Trong đó: HV học VH kết hợp với học nghề, TCCN	89	37	84	27
+ Người lao động	15	7	6	2
Trong đó: Công nhân	13	4	8	3
LĐ nông thôn	7	3	5	3
+ Cán bộ công chức cấp xã	5	3	3	0
- Lớp 12	196	63	106	39
+ Học viên trong độ tuổi phổ thông	133	34	68	22
Trong đó: HV học VH kết hợp với học nghề, TCCN	43	19	31	15
+ Người lao động	36	15	17	8
Trong đó: Công nhân	1	0	1	0
LĐ nông thôn	3	1	1	1
+ Cán bộ công chức cấp xã	27	14	21	9
3.2 Học viên học xóa mù chữ và GDTTSCB	216			
Chia ra: - Xóa mù chữ	169			
Trong đó: + 15 - 25 tuổi				
+ 26 - 35 tuổi				
+ 36 - 60 tuổi				
- Giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ	47			
Trong đó: + 15 - 25 tuổi				
+ 26 - 35 tuổi				
+ 36 - 60 tuổi				
3.3 Số học viên học các lớp chuyên đề	9756			
Trong đó: Số lượt học viên học tại các TTHTCĐ	9756			
Số học viên học tại các TT GDTX (TTGDTX - HN - DN)				
3.4 Số học viên học tin học (cấp chứng chỉ)	800			
3.5 Số học viên học ngoại ngữ (cấp chứng chỉ)	2157			
3.6 Số học viên học nghề ngắn hạn (dưới 6 tháng)	1916			
3.7 Số học viên học hướng nghiệp, học nghề phổ thông	782			
- Trung học cơ sở	588			
- Trung học phổ thông	194			
4. Dân số và người mù chữ				
Dân số trong độ tuổi	396333	181191	110606	
Trong đó: + 15 - 25 tuổi	121240	56369	39931	
+ 26 - 35 tuổi	115609	54482	31925	
+ 36 - 60 tuổi	159484	70340	38750	
Người mù chữ trong độ tuổi	33167	15394	17010	
Trong đó: + 15 - 25 tuổi	3319	1598	2005	
+ 26 - 35 tuổi	9076	4076	4693	
+ 36 - 60 tuổi	20772	9720	10312	

(tiếp biểu số 1)

Nội dung	Đơn vị	Tổng số	Trong tổng số				Nữ	Dân tộc	
			Hợp đồng	Biên chế				Tổng số dân tộc	Nữ
				Tổng số biên chế	Trình độ				
					Đạt chuẩn	Trên chuẩn			
5. Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên (Tổng số) = 5.1 + 5.2 + 5.3	Người	128	20	108	96	10	68	6	5
5.1 CBQL, GV, NV trung tâm GDTX/HN - DN	"	128	20	108	96	10	68	6	5
a. CBQL	"	18	0	18	13	5	0	0	0
b. Giáo viên	"	66	3	63	57	5	43	5	4
Chia ra: - GV dạy văn hóa	"	61	1	60	54	5	43	5	4
- GV dạy nghề, chuyên đề	"	5	2	3	3	0	0	0	0
c. Nhân viên ⁽¹⁾ :	"	44	17	27	26	0	25	1	1
Chia ra: - Nhân viên thư viện	"	1	0	1	0	0	1	0	0
- Nhân viên thí nghiệm	"	0	0	0	0	0	0	0	0
- Nhân viên kỹ thuật nghiệp vụ (2)	"	0	0	0	0	0	0	0	0
- Khác	"	43	17	26	26	0	24	1	1
5.2 CBQL, GV, NV trung tâm NN - TH	"								
CBQL - GV - NV trong cơ sở công lập	"	13							
a1. CBQL	"	2							
b1. Giáo viên	"	2							
c1. Nhân viên :	"	2							
CBQL - GV - NV ngoài công lập	"								
a2. CBQL	"								
b2. Giáo viên	"								
c2. Nhân viên :	"								
5.3 CBQL, GV, cộng tác viên của TT HTCD	"	287							
Chia ra: - Cán bộ quản lý	"	210							
- Giáo viên biệt phái	"	6							
- Báo cáo viên, cộng tác viên	"	71							
6. Số trung tâm GDTX đã tổ chức BDTX (theo Thông tư số 26/2012/TT-BGDĐT ban hành Quy chế BDTX GVMN,PT và GDTX; công văn số 8390/BGDĐT-GDTX ngày 06/12/2012 hướng dẫn các trung tâm GDTX tổ chức BDTX cho giáo viên).	trung tâm								

Nội dung	Đơn vị	Tổng số	Trong đó: XD mới ⁽³⁾
7. Cơ sở vật chất			
Tổng số phòng học, phòng bộ môn và phòng phục vụ học tập của TT GDTX/ HN - DN	Phòng	75	
- Phòng học	"	68	
Chia ra: + Phòng kiên cố	"	58	
+ Phòng bán kiên cố	"	2	
+ Phòng học tạm	"	0	
+ Phòng học nhờ, mượn	"	8	
- Phòng thí nghiệm	"	1	

	- Phòng thư viện	"	3	
	- Phòng giáo dục thể chất	"	3	
Tổng số phòng học, phòng bộ môn và phòng phục vụ học tập của TT NN-TH		Phòng		
Trong đó	- Phòng học	"		
	Chia ra: + Phòng kiên cố	"		
	+ Phòng bán kiên cố	"		
	+ Phòng học tạm	"		
	+ Phòng học nhờ, mượn	"		
Số TTHTCĐ có trụ sở riêng		trụ sở	11	
Số TT HTCĐ có tử sách riêng		TT	11	

Ghi chú:

- (1) Bao gồm cả văn thư, kế toán, thủ quỹ, y tế, bảo vệ, thư viện, thí nghiệm và nhân viên phục vụ ...
 - (2) Gồm những người hướng dẫn nghề trong các trường, xưởng trường
 - (3) Số phòng học xây dựng mới đưa vào sử dụng trong năm học và báo cáo lần đầu
- Lưu ý: Không ghi số liệu vào các ô có đánh dấu "x"

Biểu số 2 - GDTXBan hành theo Thông tư
số 39/2011/TT-BGDĐTngày 15/9/2011 và TT 41/TT
ngày 22/9/2011**BÁO CÁO THỐNG KÊ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN**

Năm học: 2017-2018

(Có đến 30 tháng 5 năm 2018)

Đơn vị báo cáo: Sở Giáo dục và Đào tạo

Đơn vị nhận báo cáo: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Nội dung	Tổng số	Trong tổng số		
		Nữ	Dân tộc	
			Tổng số dân tộc	Trong đó Nữ
1. Giáo viên dạy ngoại ngữ				
1.1. Giáo viên dạy Tiếng Anh	4	3		
Trong đó chia ra: - Dưới 30 tuổi				
- Từ 31 - 40 tuổi	2	2		
- Từ 41 - 50 tuổi	2			
- Trên 50 tuổi				
1.2. Giáo viên dạy ngoại ngữ khác				
2. Trình độ và hình thức đào tạo giáo viên dạy Tiếng Anh	4			
2.1 Trình độ Cao đẳng				
Trong đó chia ra: - Đào tạo chính qui				
- Đào tạo tại chức				
- Khác				
2.2 Trình độ Đại học	3			
Trong đó chia ra: - Đào tạo chính qui	2			
- Đào tạo tại chức	1			
- Khác				
2.3 Trình độ Thạc sĩ	1			
2.4 Trình độ Tiến sĩ				
3. Chứng chỉ năng lực ngôn ngữ Tiếng Anh (6 bậc Việt Nam)	1			
Trong đó chia ra: - Không đạt, Bậc 1				
- Bậc 2				
- Bậc 3	1			
- Bậc 4				
- Bậc 5				
- Bậc 6				
4. Chứng chỉ Quốc tế				
Trong đó: - Ielts				
- Toefl				
- Toeic				
- Khác				
5. Số giáo viên Tiếng Anh được bồi dưỡng				
- Số giáo viên được bồi dưỡng nâng bậc				
- Số giáo viên được bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm				

Biểu số 3-GDTX

Ban hành theo Thông tư

số 39/2011/TT-BGDĐT

ngày 15/9/2011 và TT 41/2011

ngày 22/9/2011 của Bộ trưởng

BÁO CÁO THỐNG KÊ CHẤT LƯỢNG BỔ TÚC THCS VÀ THPT

Năm học: 2017-2018

(Có đến 30 tháng 05 năm 2018)

Đơn vị báo cáo: Sở Giáo dục và Đào tạo

Đơn vị nhận báo cáo : Bộ Giáo dục và Đào tạo

	Bổ túc THCS (tổng số)	Bổ túc THPT (tổng số)	Chia ra		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I. Học viên chia theo hạnh kiểm	4	472	139	188	145
- Tốt	4	357	90	137	130
Nữ	2	137	42	59	36
Dân tộc	0	207	63	75	69
Nữ dân tộc	0	95	35	36	24
- Khá	0	110	46	49	15
Nữ	0	16	4	9	3
Dân tộc	0	53	22	25	6
Nữ dân tộc	0	11	3	6	2
- Trung bình	0	5	3	2	0
Nữ	0	0	0	0	0
Dân tộc	0	0	0	0	0
Nữ dân tộc	0	0	0	0	0
- Yếu	0	0	0	0	0
Nữ	0	0	0	0	0
Dân tộc	0	0	0	0	0
Nữ dân tộc	0	0	0	0	0
II. Học viên chia theo học lực	4	591	177	218	196
- Giỏi	0	4	0	1	3
Nữ	0	3	0	1	2
Dân tộc	0	1	0	1	0
Nữ dân tộc	0	1	0	1	0
- Khá	4	119	24	36	59
Nữ	2	62	16	21	25
Dân tộc	0	63	16	15	32
Nữ dân tộc	0	37	13	11	13
- Trung bình	0	436	139	163	134
Nữ	0	131	46	49	36
Dân tộc	0	247	84	88	75
Nữ dân tộc	0	92	32	35	25
- Yếu	0	32	14	18	0
Nữ	0	3	1	2	0
Dân tộc	0	15	6	9	0
Nữ dân tộc	0	1	1	0	0
- Kém	0	0	0	0	0
Nữ	0	0	0	0	0
Dân tộc	0	0	0	0	0
Nữ dân tộc	0	0	0	0	0
III. Học viên bỏ học	0	76	44	17	15

IV. Tỷ lệ học viên tốt nghiệp

Đăk Nông, ngày 12 tháng 6 năm 2018

Người lập biểu



Phạm Thị Hải



GIÁM ĐỐC

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đỗ Chi Việt Hà